

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2024/DSST

Ngày: 03/12/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Lực

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2024/QĐST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2024; giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H, Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh T: ông Lê Quang T - Trưởng phòng Khách hàng - Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1948.

2. Bà Trần Hồng P, sinh năm 1985.

3. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2000.

4. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

(Ông T, ông D có mặt; ông C, chị N, anh H xin vắng mặt; bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Quang T trình bày:*

Ông D có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (viết tắt là ngân hàng) theo các khoản vay như sau:

- *Thứ nhất:* Theo hợp đồng tín dụng số 6910LAV202201492, ngày vay 14/9/2022 với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ ngày 14/9/2025. Mục đích vay: Chăn nuôi bò nái. Lãi suất cho vay trong hạn là 11,50%/năm. Sau khi vay, ông D đã trả tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi tổng cộng là 11.236.105 đồng. Còn nợ tiền gốc là 99.000.000 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 (ngày xét xử) là 14.479.759 đồng, gồm có: Lãi trong hạn là 13.933.233 đồng, lãi quá hạn là 13.411 đồng, lãi chậm trả 533.115 đồng.

- *Thứ hai:* Theo hợp đồng tín dụng số 6910LAV202201492, ngày vay 12/9/2023 với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là ngày 10/9/2024. Mục đích vay: Chăn nuôi bò thịt. Lãi suất vay trong hạn là 11,50%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi vay, ông D đã trả là 2.748.477 đồng, chưa trả tiền gốc. Đến nay còn nợ tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/12/2024 (ngày xét xử) là 11.532.507 đồng. Trong đó, lãi trong hạn là 10.106.849 đồng, lãi quá hạn là 1.035.616 đồng, lãi chậm trả là 390.042 đồng.

- *Thứ ba:* Theo hợp đồng thấu chi số 6910LAV202301584, ngày vay là 12/9/2023. Hạn mức thấu chi là 30.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ 12/9/2024. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất vay trong hạn là 9,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Số tiền vay thấu chi còn nợ đến ngày 03/9/2024 (ngày xét xử) là 15.032.500 đồng và nợ tiền lãi tổng cộng là 1.971.507 đồng. Trong đó, lãi trong hạn là 1.965.638 đồng, lãi quá hạn là 5.869 đồng.

Khi vay, hộ ông D gồm các thành viên: Nguyễn Minh C, Trần Hồng P, Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Minh H có ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng thửa đất số 1351 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01533, ngày 17/09/2019, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D.

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, bà Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ vốn là 214.032.500 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng; yêu cầu trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu trả tiền lãi tiếp của số tiền nợ gốc là 214.032.500 đồng, từ ngày 04/12/2024 đến ngày trả xong nợ gốc, với lãi suất theo mức lãi suất đã ký kết trong các hợp đồng. Nếu ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H không trả được tiền nợ thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trên hợp đồng tín dụng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả và yêu

cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất 1351, diện tích 10.425m² để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng làm đơn yêu cầu xem xét thẩm định tài sản thế chấp để làm cơ sở giải quyết vụ án, với số tiền là 1.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H cùng có nghĩa vụ trả lại chi phí xem xét thẩm định cho ngân hàng theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Minh D trình bày:*

Tôi thống nhất lời trình bày của đại diện ngân hàng về thời gian vay tiền và số tiền vay tại ngân hàng. Khi vay, gia đình tôi có thế chấp đất thửa 1351, diện tích 10.425m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01533 ngày 17/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D đứng tên.

Nay tôi xác định còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 214.032.500 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 03/9/2024 là 27.983.773 đồng như Ngân hàng trình bày. Do làm ăn thất bại nên chưa có tiền trả cho ngân hàng. Tôi đồng ý cùng các thành viên trong hộ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ vốn là 214.032.500 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng, xin trả vào ngày 01/6/2025 và đồng ý trả tiền lãi tiếp của số tiền nợ gốc từ ngày 04/12/2024 đến ngày 01/6/2025 với lãi suất theo mức lãi suất đã ký kết trong các hợp đồng. Nếu gia đình tôi không trả được tiền nợ vào ngày 01/6/2025 thì đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là thửa đất 1351, diện tích 10.425m² để thu hồi nợ cho ngân hàng. Không đồng ý trả chi phí xem xét thẩm định cho ngân hàng.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H trình bày cùng nội dung:*

Các anh chị trình bày có cùng nội dung như sau: các thành viên trong hộ thống nhất thế chấp cho ngân hàng thửa 1351, diện tích 10.425m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01533 ngày 17/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D, để vay tiền, làm vốn nuôi tôm.

Các anh chị đồng ý cùng ông D trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu. Nếu không trả được nợ thì đồng ý giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý để trả nợ cho ngân hàng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

Buộc ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H phải trả cho ngân hàng số tiền nợ tổng cộng là 242.016.273 đồng; trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi tiếp của số tiền vốn là 214.032.500 đồng, từ ngày 04/12/2024 đến ngày trả xong nợ vốn với lãi suất theo mức lãi suất đã ký kết trong các hợp đồng;

Nếu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H không trả được tiền nợ thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trên hợp đồng tín dụng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả và ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất 1351, diện tích 10.425m² để thu hồi nợ.

Buộc ông D, ông C, bà P, chị N, anh H cùng có nghĩa vụ trả lại cho ngân hàng chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T khởi kiện, yêu cầu ông D cùng các thành viên trong hộ gồm ông C, bà P, chị N, anh H trả tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông C, chị N, anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bà P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung khởi kiện

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, yêu cầu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H cùng có nghĩa vụ trả tiền vay còn nợ gốc là 214.032.500 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa ông D đồng ý trả cho ngân hàng tiền vay nợ gốc là 214.032.500 đồng. Tại các bản tự khai, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông C, bà P, chị N, anh H trình bày, đồng ý cùng ông D trả nợ cho ngân hàng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về tiền nợ lãi

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H trả tiền lãi còn nợ đến ngày xét xử (03/12/2024) nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng. Ông D, ông C, bà P, chị N, anh H

đồng ý trả tiền nợ lãi cho ngân hàng đến ngày trả xong nợ. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về thời gian trả

Ngân hàng N- Chi nhánh huyện T yêu cầu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H trả số tiền vốn là 214.032.500 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông D xin trả vào ngày 01/6/2025.

Xét thấy, tại hợp đồng tín dụng số 6910LAV202201492, ngày vay 14/9/2022 với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ ngày 14/9/2025. Tuy nhiên, theo các báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14/9/2022 và báo cáo đề xuất giải ngân 12/9/2023, các bên đã ký kết thời gian trả 03 tháng 1 lần, nhưng đến nay ông D không trả tiền lần nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ngân hàng yêu cầu ông D trả hết số tiền nợ gốc, nợ lãi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Mặt khác, tại Hợp đồng ủy quyền số 56112022 ngày 12/9/2022, ông C, bà P, chị N, anh H cùng ủy quyền cho ông D vay vốn tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện T nên phải có nghĩa vụ cùng ông D trả tiền nợ cho ngân hàng. Do đó, buộc ông D, ông C, bà P, chị N, anh H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 214.032.500 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp của số tiền nợ gốc là 214.032.500 đồng, từ ngày 04/12/2024 đến ngày trả xong nợ gốc, theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng.

[4] Về tài sản thế chấp

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12922D/TC, ngày 12/9/2022 ông D, ông C, bà P, chị N, anh H ký kết thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất 1351, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01533, ngày 17/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D. Do đó, nếu ông D, ông C, bà P, chị N, anh H không thực hiện việc trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng

Ngày 16/8/2024, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp (*đất, công trình xây dựng trên đất*) đối với thửa đất 1351, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS322170, ngày 17/9/2019 sổ vào sổ cấp giấy CS01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chi phí xem xét thẩm định ngân hàng đã chi trả là 1.000.000 đồng. Do ông D, ông C, bà P, chị N, anh H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên có nghĩa vụ trả lại chi phí xem xét thẩm định cho ngân hàng theo Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về phát biểu của kiểm sát viên

Kiểm sát viên phát biểu và đề nghị của có căn cứ, phù hợp qui định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí

- Ông Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng nên cùng nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 5; khoản 2 Điều 26; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.
- Buộc ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện T số tiền vay còn nợ gốc là 214.032.500 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 27.983.773 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp của số tiền nợ gốc là 214.032.500 đồng, từ ngày 04/12/2024 đến ngày trả xong nợ gốc, theo mức lãi suất đã ký kết trong các hợp đồng với ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

Đến hạn trả tiền, nếu Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất đã ký kết theo hợp đồng tín dụng số 6910LAV202201492, ngày 14/9/2022; 02 Báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14/9/2022 và 12/9/2023 và theo hợp đồng hợp đồng thầu chi số 6910LAV202301584, ngày 12/9/2023.

Nếu ông Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H không thực hiện việc trả tiền thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi thửa đất 1351 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01533, ngày 17/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Minh D đứng tên, để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Ông Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N Chi nhánh

huyện T chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp là 1.000.000 (một triệu) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

+ Nguyễn Minh D, Nguyễn Minh C, bà Trần Hồng P, chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ nộp 12.150.813 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn tám trăm mười ba) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng N chi nhánh huyện T không nộp tiền áp phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng N Chi nhánh huyện T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.350.000 (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0001653 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI